SAO Y; SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG; 24/03/2026; 16:54:57; +07:00

UBND TỈNH AN GIANG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12 /GPMT-SNNMT

An Giang, ngày 19 tháng 3 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 04/12/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về Ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang tại Văn bản số 6815/CV-ACECO ngày 30/12/2025 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở "Nhà máy sản xuất cọc bê tông ly tâm ứng lực trước".

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 57/TTr-CCBVMT ngày 17 /03/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang, địa chỉ tại Quốc lộ 91, khóm An Thới, phường Mỹ Thới, tỉnh An Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở "Nhà máy sản xuất cọc bê tông ly tâm ứng lực trước" với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất cọc bê tông ly tâm ứng lực trước.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô C2, đường số 4, Khu công nghiệp Bình Hoà, xã Bình Hoà, tỉnh An Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động doanh nghiệp, mã số 1600669108, đăng ký lần đầu ngày 01/9/2003, đăng ký thay đổi lần 12 ngày 09/3/2022 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

1.4. Mã số thuế: 1600669108.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất vật liệu xây dựng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Phạm vi: Cơ sở có tổng diện tích 30.585,20 m^2.

- Nhóm dự án: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí tương đương dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Công suất và quy trình hoạt động:

+ Công suất: 18.000 đơn vị sản phẩm/năm hoặc 200.000 md cọc/năm.

+ Quy trình hoạt động của cơ sở:

Quy trình hoạt động sản xuất cọc cừ: Nguyên liệu sau khi qua trạm trộn bê tông và tạo nòng thép được lắp vào khuôn → Nạp liệu → Căng thép → Quay ly tâm → Hấp cọc → Tháo khuôn → Thành phẩm.

Quy trình hoạt động sản xuất trụ điện ứng lực trước: Nguyên liệu sau khi qua trạm trộn bê tông và tạo nòng thép được lắp và khuôn → Nạp liệu → Căng thép → Quay ly tâm → Dưỡng hộ nhiệt → Tháo khuôn → Thành phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi khí thải, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành).

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và các giấy phép môi trường thành phần của cơ sở hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Bình Hoà tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- GĐ & các PGĐ Sở NN&MT;
- BQLKKT;
- UBND xã Bình Hòa;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh (01 bản);
- Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang;
- Văn phòng Sở (để đăng Cổng Thông tin điện tử Sở NN&MT);
- CCBVMT;
- Lưu: VT, dhthang (04 bản).

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

Lê Hữu Toàn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 12 /GPMT-SNNMT ngày 19 tháng 3 năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý được thoát vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Bình Hoà; không xả nước thải ra môi trường).

- Đã có thỏa thuận đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Bình Hoà theo Hợp đồng dịch vụ thoát nước thải số 29/HĐ-TT ngày 28/9/2017 và Phụ lục Hợp đồng dịch vụ thoát nước số 1099/PLHĐ-TTHT ngày 29/11/2024 giữa Trung tâm Đầu tư – Phát triển hạ tầng và Hỗ trợ doanh nghiệp Khu kinh tế tỉnh An Giang (trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang – Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu Công nghiệp Bình Hòa) và Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu nhà làm việc được thu gom vào hầm tự hoại 03 ngăn (có thể tích V = 9,73 m^3) để xử lý sơ bộ. Nước thải sau khi xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn qua hố ga (1,1 m x 1,1 m x 0,7 m) theo đường ống PVC Ø114 mm, chiều dài L = 89 m đấu vào hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt bằng đường ống PVC Ø34 mm, chiều dài L = 240 m dẫn vào kênh lắng và bể lắng nước thải tập trung để xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực gần xưởng cơ khí được thu gom vào hầm tự hoại 03 ngăn (có thể tích V = 10,94 m^3) Nước thải sau khi xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn qua hố ga (1,1 m x 1,1 m x 0,7 m) theo đường ống PVC Ø34 mm, chiều dài L = 9 m đấu vào hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt bằng đường ống PVC Ø34 mm, chiều dài L = 240 m dẫn vào kênh lắng và bể lắng nước thải tập trung để xử lý.

- Nguồn số 03: Nước thải căn tin được thu gom vào bể lắng có thể tích V = 5,58 m^3. Nước thải sau khi xử lý sơ bộ tại bể lắng nước thải căn tin theo đường ống PVC Ø90 mm, chiều dài L = 6 m đấu vào hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt bằng đường ống PVC Ø34 mm, chiều dài L = 240 m dẫn vào kênh lắng và bể lắng nước thải tập trung để xử lý.

- Nguồn số 04: Nước thải từ việc phun rửa máy móc, thiết bị trộn bê tông được thu gom vào kênh lắng dẫn về bể lắng nước thải tập trung để xử lý.

- Nguồn số 05: Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi được thu gom về hồ lọc bụi, sau đó dẫn bằng đường ống PVC Ø90 mm, chiều dài L = 2 m dẫn về bể lắng nước thải tập trung để xử lý.

- Nguồn số 06: Nước thải từ quá trình bảo dưỡng các sản phẩm bê tông được thu gom bằng đường ống PVC Ø34 mm, chiều dài L = 25 m dẫn về bể lắng nước thải tập trung để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt sơ bộ:

- 01 bể tự hoại đặt dưới vị trí khu nhà vệ sinh khu vực nhà làm với thể tích 9,73 m^3 và 01 bể tự hoại đặt dưới vị trí khu nhà vệ sinh gần khu vực xưởng cơ khí với thể tích 10,94 m^3.

- Quy trình xử lý cơ bản như sau: Nước thải → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Hố ga → Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt nội bộ → Công trình xử lý nước thải tập trung của cơ sở.

1.2.2. Công trình xử lý nước thải từ căn tin:

- Bể lắng nước thải có 5,85 m^3 (kích thước 3,9 m x 1,5 m x 1 m).

- Quy trình xử lý cơ bản như sau: Nước thải từ căn tin → Bể lắng 1 → Bể lắng 2 → Bể lắng 3 → kênh lắng → Công trình xử lý nước thải tập trung của cơ sở.

1.2.3. Công trình xử lý nước thải tập trung của cơ sở:

- Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải cơ bản của cơ sở như sau: Nước thải → Kênh lắng → Bể lắng nước thải tập trung *(trong đó, nước thải từ Hồ lọc bụi của hệ thống xử lý khí thải lò hơi dẫn về Bể lắng nước thải tập trung)* → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Bình Hòa *(chất lượng thải sau xử lý phải đảm bảo điều kiện theo thỏa thuận đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Bình Hòa)*.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không sử dụng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Thường xuyên theo dõi hoạt động, bảo dưỡng định kỳ máy móc, tình trạng hoạt động của bể để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở thuộc quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ), không phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Đảm bảo thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở về hệ thống xử lý nước thải để xử lý đáp ứng quy chuẩn đấu nối, tiếp nhận nước thải theo yêu cầu của Trung tâm Đầu tư – Phát triển hạ tầng và Hỗ trợ doanh nghiệp Khu kinh tế tỉnh An Giang (trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang – Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu Công nghiệp Bình Hòa), không xả trực tiếp nước thải ra môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.3. Đảm bảo thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở./.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 12 /GPMT-SNNMT ngày 19 tháng 3 năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải từ việc đốt nhiên liệu trấu để cung cấp nhiệt cho quá trình bảo dưỡng bê tông bằng lò hơi công suất 2,5 tấn/giờ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: Khí thải sau được xử lý theo 01 ống thoát khí thải ra môi trường, tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1156058; Y = 565065; Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $104^0 45'$, múi chiếu 3^0.

Vị trí lỗ lấy mẫu khí thải phải đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 20.000 m^3/giờ, tương đương 200.000 m^3/ngày.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Chu kỳ xả khí thải: Hằng ngày.

- Thời gian xả khí thải: Xả gián đoạn 10 giờ/24 giờ khi hoạt động sản xuất trong khoảng thời gian từ 7 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút, khí thải thoát ra môi trường thông qua đường ống xả khí thải có chiều cao 12m, đường kính Ø500mm.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải *(QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột C)*, cụ thể như sau:

STT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Lưu lượng	m^3/giờ	-	03 tháng/lần (theo đề xuất của Chủ cơ sở)	Không thuộc đối tượng
2	Bụi tổng	mg/Nm^3	≤ 60		
3	CO	mg/Nm^3	≤ 350		
4	NO_2	mg/Nm^3	≤ 300		
5	SO_2	mg/Nm^3	≤ 250		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Công trình thu gom khí thải từ lò hơi được đồng bộ với hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 2,5 tấn hơi/giờ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: Có 01 công trình xử lý khí thải lò hơi công suất 2,5 tấn hơi/giờ.

- Quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải lò hơi cơ bản: Bụi, khí thải từ lò hơi → Cyclone → Quạt hút → Bộ phun nước dập bụi → Hồ lọc bụi → Ống khói thải.

- Công suất thiết kế: 20.000 m^3/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố

- Thay thế motor quạt mới khi motor quạt hút không hoạt động.

- Định kỳ kiểm tra, gia cố lại vị trí bị rò rỉ của đường ống dẫn khí.

- Quan sát màu sắc của khói, nếu khói thải ra môi trường có màu sắc lạ sẽ tiến hành kiểm tra và xử lý kịp thời khi phát hiện sự cố.

- Đối với sự cố kéo dài, chưa khắc phục được phải tạm dừng hoạt động của hệ thống, tiến hành kiểm tra, thay thế các thiết bị, máy móc bị hư hỏng dẫn đến sự cố kịp thời, để đưa hệ thống xử lý khí thải hoạt động trở lại, đảm bảo cho hoạt động sản xuất của Nhà máy.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

- Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng (kể từ ngày giấy phép môi trường được cấp phép).

- Công suất vận hành thử nghiệm dự kiến đạt 100% theo công suất thiết kế.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải lò hơi tại cơ sở.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (*theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này*): 01 vị trí tại đầu ra hệ thống xử lý khí thải lò hơi tại cơ sở.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ cơ sở phải thực hiện quan trắc, giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý khí thải theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

- 03 mẫu sau xử lý trong 03 ngày liên tiếp đối với hệ thống xử lý khí thải.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm, kế hoạch quan trắc chất thải đến cơ quan cấp giấy phép môi trường để được kiểm tra, giám sát theo quy định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải theo phương án xử lý của cơ sở.

3.3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục A Phụ lục này khi xả ra ngoài môi trường và phải dừng ngay việc xả khí thải, mùi hôi để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 12 /GPMT-SNNMT ngày 19 tháng 3 năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Từ hoạt động của các máy móc, thiết bị sản xuất tại nhà xưởng.

- Nguồn số 02: Từ quá trình hoạt động của máy trộn bê tông.

- Nguồn số 03: Từ quá trình hoạt động của máy móc, thiết bị lò hơi.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Có tọa độ X = 1156021; Y = 565056; Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $104^0 45'$, múi chiếu 3^0.

- Nguồn số 02: Có tọa độ X = 1156036; Y = 565030; Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $104^0 45'$, múi chiếu 3^0.

- Nguồn số 03: Có tọa độ X = 1156059; Y = 565071; Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $104^0 45'$, múi chiếu 3^0.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung *(QCVN 26:2025/BTNMT và QCVN 27:2025)*, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Stt	Khu vực bị ảnh hưởng	Giá trị xin phép
1	Khu vực E	70 (dBA)

3.2. Độ rung:

Stt	Khu vực bị ảnh hưởng	Giá trị xin phép
1	Khu vực D	75 (dB)

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Đế móng đặt các thiết bị được thiết kế sâu, mác bê tông cao và các thiết bị đều có các đệm chống ồn. Bố trí máy móc hợp lý, không để nhiều máy gây ồn gần nhau gây cộng hưởng tiếng ồn. Các máy móc tạo ra sự rung động trong quá trình hoạt động được gắn chặt vào nền xi măng.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc trong nhà máy (như khẩu trang, nút tai chống ồn...). Yêu cầu công nhân hoạt động đúng theo quy trình kỹ thuật và không hoạt động quá tải, cho dừng ngay nếu phát hiện thiết bị gây tiếng ồn lớn bất thường so với hoạt động hàng ngày.

- Kiểm tra sự cân bằng của máy, kiểm tra độ mài mòn chi tiết và bảo dưỡng máy móc định kỳ, thường xuyên, tránh làm việc quá tải, không sử dụng các thiết bị quá niên hạn sử dụng.

- Khu vực sản xuất được bố trí cách ly với khu vực hành chính, nhà nghỉ ca công nhân và lắp đặt thiết bị chống ồn, rung chuyên dụng cho một số máy móc sản xuất.

- Sử dụng nhiên liệu đúng chất lượng quy định và thường xuyên bôi trơn dầu mỡ, hạn chế ma sát gây ồn.

- Bốc xếp nguyên vật liệu và thành phẩm khi xuất nhập hàng phải nhẹ nhàng. Hạn chế bấm còi và giảm tốc độ xe khi vận chuyển qua khu vực dân cư.

- Hoạt động đúng thời gian quy định, hạn chế hoạt động vào giờ cao điểm.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn, hiệu chuẩn đối với các thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải, mùi để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 12 /GPMT-SNNMT ngày 19 tháng 3 năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng trung bình (kg/năm)
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	70
2	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	3

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Đơn vị tính	Trạng thái tồn tại	Mã CTRSX	Khối lượng trung bình
1	Cát, đá vụn, bê tông rơi vãi	kg/ngày	Rắn	11 01 02	10
2	Sắt, thép vụn	kg/ngày	Rắn	07 02 04	3
3	Bao bì xi măng	Cái/ngày	Rắn	18 01 05	150
4	Bùn cặn từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi	kg/ngày	Rắn/bùn	06 02 05	6
5	Tro xỉ phát sinh từ lò hơi	kg/ngày	Rắn	12 01 10	54
6	Bùn cặn bể tự hoại	kg/năm	Bùn	12 06 10	3,18

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt gồm các thành phần như: Thực phẩm thừa, chai nhựa, nilon, hộp đựng thức ăn… khoảng 837kg rác/tháng.

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng trung bình (kg/năm)
1	Que hàn thải	Rắn	07 04 01	205
2	Giẻ lau dính dầu nhớt	Rắn	18 02 01	10
3	Xỉ hàn thải	Rắn	07 04 02	90
4	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Bùn	12 06 05	05

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí 05 thùng loại 200 lít có nắp đậy để chứa CTNH theo từng loại chất thải phát sinh, tất cả các thùng chứa đều được dán nhãn cảnh báo theo quy định và được đặt trong kho chứa CTNH của cơ sở.

- Kho chứa CTNH: Diện tích là 62,4m^2. Kết cấu: Nền tráng xi măng, mái tole, vách tường.

- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị đủ điều kiện đến thu gom, vận chuyển xử lý toàn bộ khối lượng chất thải nguy hại của Cơ sở theo đúng quy định.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Cát, đá vụn, bê tông rơi vãi: Thu gom tập trung tại khu vực gần bãi chứa nguyên liệu (cát, đá,...) để tái sử dụng hoặc chuyển giao cho đơn vị đủ chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- Sắt, thép vụn, bao xì xi măng: Thu gom, lưu trữ vào kho chứa phế liệu để tái sử dụng hoặc bán phế liệu. Kho có diện tích 62,4 m^2, kết cấu: mái tole, vách tường, mặt sàn được tráng xi măng đảm bảo tránh nắng, mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

- Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi được cơ sở thu gom tập trung tại khu vực có diện tích khoảng 9 m^2. Sau đó, chủ cơ sở sẽ hợp đồng với đơn vị đủ chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- Lượng tro thải sau khi để nguội được cho vào bao cột kín nhằm hạn chế bụi phát tán ra môi trường và được chứa tại khu vực riêng biệt bố trí trong khu vực nhà lò hơi, diện tích khoảng 6 m^2 (1,5 m x 4 m).

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Trang bị 06 thùng chứa có nắp đậy loại 120 lít để thu gom. Các thùng chứa rác được bố trí tại các khu vực như sau: tại cổng cơ sở, phòng bảo vệ, tại xưởng cơ khí, tại khu vực căn tin, tại khu vực xưởng sản xuất.

- Chủ cơ sở ký hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom và xử lý theo đúng quy định, tần suất thu gom 01 ngày/lần.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Đảm bảo nguồn nhân lực, trang thiết bị, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường./.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 12 /GPMT-SNNMT ngày 19 tháng 3 năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không còn hạng mục, công trình bảo vệ môi trường cần tiếp tục đầu tư.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Giấy phép môi trường là căn cứ để thực hiện việc kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở, đề nghị Chủ cơ sở chấp hành nghiêm chỉnh. Trường hợp thay đổi Chủ cơ sở thì Chủ cơ sở mới có trách nhiệm thực hiện các trách nhiệm đã được quy định tại Giấy phép môi trường này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

3. Chủ cơ sở chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính pháp lý và kỹ thuật của các hạng mục công trình xây dựng, công trình bảo vệ môi trường đã xây dựng, lắp đặt, nghiệm thu và bàn giao theo quy định của pháp luật về xây dựng.

4. Các hạng mục công trình của cơ sở chỉ được phép hoạt động khi bảo đảm phù hợp theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đất đai, xây dựng và pháp luật khác có liên quan; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính pháp lý liên quan đến phạm vi, diện tích, mục đích và thời hạn sử dụng đất của cơ sở theo quy định của pháp luật về đất đai.

5. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP,

Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho các đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình vận hành cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Bảo đảm sự phù hợp và tuân thủ việc thực hiện các quy hoạch, quy định của tỉnh An Giang.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo yêu cầu của chính quyền địa phương.

10. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp có văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.